

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGẮN HẠN

(Loại cho vay theo hạn mức)

Số://NHNT.CD

- Căn cứ Luật các Tổ chức Tín dụng ngày 12/12/1997;
- Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 28/10/1995;
- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước;
- Căn cứ Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-NHNN1 ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam;
- Căn cứ Hướng dẫn Quy chế cho vay đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 407/QĐ-NHNT.HĐQT ngày 29/3 /2002 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam;
- Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ ngày.../...../200.. của.....

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., tại Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Hà nội, chúng tôi gồm:

Bên cho vay: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG HÀ NỘI

Địa chỉ: 78 Nguyễn Du – Hà Nội

Điện thoại:;Fax:

Tên người đại diện: Chức vụ:

Bên vay:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Tên người đại diện:.....Chức vụ:.....

Giấy uỷ quyền số (nếu có):.....ngày.....tháng.....năm.....

Số tài khoản tiền gửi đồngVNtại Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Hà nội

Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:tại Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Hà nội

Hai bên thoả thuận ký Hợp đồng tín dụng hạn mức theo các điều khoản sau đây:

Điều 1: Số tiền vay, mục đích sử dụng:

- Tổng hạn mức cho vay: - Bằng số:.....

- Bằng chữ:.....

Trong đó: + Hạn mức cho vay đối với VNĐ:.....

+ Hạn mức cho vay đối với USD:.....(Tỷ giá tạm tính:.....)

(Hạn mức này bao gồm dư nợ cho vay và số tiền đã mở L/C nhưng chưa nhận nợ)

Bên vay có thể nhận nợ bằng các ngoại tệ khác phù hợp với phương án kinh doanh từng lần

- Mục đích sử dụng:.....

- Hình thức rút vốn:.....

Điều 2: Thời hạn rút vốn:

2.1 Bên vay được rút vốn làm nhiều lần trong thời hạn:.....tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Quá thời hạn trên nếu Bên vay không sử dụng thì không được sử dụng tiếp trừ khi có sự chấp thuận của Bên cho vay.

2.2 Tổng dư nợ cho vay không được vượt hạn mức cho vay quy định tại Điều 1 hợp đồng này.

2.3 Trong thời hạn rút vốn, mỗi lần rút vốn Bên vay lập giấy nhận nợ theo mẫu qui định của Ngân hàng Ngoại thương kèm theo tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay.

Điều 3: Thời hạn cho vay

3.1 Thời hạn cho vay được tính theo từng phương án kinh doanh và được ghi trên Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn và phụ thuộc vào vòng quay của hàng hóa vay vốn.

3.2 Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng tín dụng này bằng thời hạn rút vốn cộng với thời hạn cho vay tối đa của Giấy nhận nợ.

Điều 4: Lãi suất cho vay:

4.1 Lãi suất cho vay (đánh dấu vào ô thích hợp):

Lãi suất cho vay VNĐ là:.....%/tháng; USD là.....%/năm;là%/năm;
;.....là.....%/năm được tính từ ngày nhận nợ khoản tiền đầu tiên và cố định trong thời hạn thực hiện hợp đồng tín dụng.

Lãi suất cho vay được tính cho từng Giấy nhận nợ và cố định trong thời hạn hiệu lực của Giấy nhận nợ đó.

4.2 Nợ quá hạn thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn là: % cộng thêm vào mức lãi suất quy định tại điểm 4.1 Điều này.

Điều 5: Giải ngân:

5.1 Quá thời hạn quy định tại điểm 4.1 Điều này, nếu Bên vay không rút hoặc rút vốn không hết thì không được sử dụng tiếp nữa, trừ khi được sự chấp thuận của Bên cho vay.

5.2 Phương thức rút vốn (đánh dấu vào ô thích hợp):

Từng lần rút vốn, Bên vay lập Giấy nhận nợ theo mẫu qui định đính kèm Hợp đồng này và kèm theo chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay(nếu có).

Trường hợp cho vay để Bên vay mở L/C thanh toán hàng nhập khẩu tại Bên cho vay thì Bên vay cam kết và chấp nhận một cách vô điều kiện để Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Hà nội được toàn quyền ghi nợ tài khoản vay của Bên vay để thanh toán cho nước ngoài trên cơ sở điện/thư đòi tiền hợp lệ của ngân hàng nước ngoài. Nếu Bên vay nhận nợ bằng ngoại tệ thì ngày nhận nợ kể từ ngày Chi nhánh Ngân hàng Chi nhánh Ngoại thương Hà nội thanh toán tiền cho nước ngoài. Số tiền nhận nợ là số tiền thực tế Ngân hàng Ngoại thương Hà nội thanh toán cho nước ngoài. Nếu Bên vay nhận nợ ĐVN để mua ngoại tệ thanh toán cho nước ngoài ngày nhận nợ là ngày Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Hà nội có ngoại tệ để bán, thời hạn vay và lãi vay tính từ ngày Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Hà nội bán ngoại tệ (theo lãi suất tương ứng) cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi cùng các chi phí có liên quan khác.

Điều 6: Loại tiền cho vay và trả nợ:

6.1 Bên vay nhận nợ và trả nợ bằng loại tiền qui định tại Điều 1 của Hợp đồng này. Việc phân chia dư nợ vay VNĐ và ngoại tệ là tạm tính tại thời điểm xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi sẽ được điều chỉnh.

6.2 Trường hợp vay bằng ngoại tệ, khi Bên vay muốn rút vốn bằng đồng Việt nam và/hoặc loại ngoại tệ khác thì được thực hiện thông qua mua bán ngoại tệ theo tỷ giá của Ngân hàng Ngoại thương.

6.3 Bên vay có thể trả nợ bằng loại tiền khác khi được Bên cho vay chấp thuận và theo quy định của Ngân hàng Ngoại thương tại thời điểm trả nợ và phù hợp với Quy chế quản lý ngoại hối hiện hành.

6.4 Phương thức trả nợ gốc và lãi:

- Trả nợ gốc: Bên vay trả nợ gốc theo đúng thời hạn đã qui định ở Điều 2 của Hợp đồng này.

- Trả lãi vay: 01tháng 1 lần, trong khoảng từ ngày 26 đến ngày cuối hàng tháng.

- Bên cho vay được tự động trích tiền từ tài khoản tiền gửi của Bên vay (nếu có) khi đến hạn trả nợ gốc và lãi.

6.5 Trường hợp đến kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi theo thoả thuận trong Hợp đồng này, nếu Bên vay không trả được nợ gốc và/hoặc lãi hoặc trả không hết nợ gốc và/hoặc lãi theo thoả thuận trong Hợp đồng này Bên vay phải có giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ gửi tới Bên cho vay trước ngày đến hạn trả nợ 5 ngày làm việc. Trường hợp Bên vay không gửi giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ trước thời hạn trên hoặc giấy đề nghị gia hạn nợ bị Bên cho vay từ chối, Bên cho vay được quyền tự động chuyển toàn bộ số dư nợ (gốc + lãi) của HĐTD này sang nợ quá hạn. Bên cho vay sẽ có công văn thông báo nợ quá hạn và quyết định ngày trả nợ cuối cùng, thông báo này là một phụ kiện không tách rời của bản Hợp đồng này. Đến ngày cuối cùng ghi trong thông báo mà Bên vay không trả hết nợ thì ngày cuối cùng đó được coi là ngày phát sinh tranh chấp và Bên cho vay được thực hiện theo Điều 9.2 của Hợp đồng tín dụng này, nếu các bên không có thoả thuận nào khác.

Điều 7: Biện pháp bảo đảm tiền vay (nếu có)

Khoản vay theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng (đánh dấu vào ô thích hợp):

Tài sản thế chấp, cầm cố của Bên vay:.....và/hoặc

Tài sản bảo lãnh của Bên thứ ba:.....và/hoặc

Tài sản hình thành từ vốn vay:.....

* Tổng trị giá tài sản bảo đảm:

Các thoả thuận chi tiết về tài sản, quyền và nghĩa vụ của các bên được xác định cụ thể trong Hợp đồng bảo đảm số..... ngày.....tháng.....năm.....kèm theo Hợp đồng này.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay:

8.1 Quyền của Bên cho vay:

- 8.1.1 Yêu cầu Bên vay cung cấp các giấy tờ tại điểm 8.2 của Hợp đồng này và các giấy tờ khác, nếu xét thấy cần thiết.
- 8.1.2 Được tự động trích tài khoản tiền gửi các loại của Bên vay tại NHNT để thu nợ gốc và lãi khi đến hạn.
- 8.1.3 Được quyền ngừng cho vay và thu nợ trước hạn cả gốc và lãi trong các trường hợp sau:
- Bên vay không cung cấp hoặc cung cấp tài liệu, thông tin sai sự thật hoặc chậm mà không có lý do chính đáng.
 - Bên vay sử dụng tiền vay sai mục đích, kinh doanh thua lỗ nhưng không khắc phục được, có các tranh chấp đe dọa đến tài sản của Bên vay.
 - Bên vay bị khởi tố, giải thể, mất khả năng thanh toán, có nguy cơ phá sản.
 - Bên vay vi phạm hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản hoặc người bảo lãnh vi phạm hợp đồng bảo lãnh.
- 8.1.4 Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sử dụng vốn vay, tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.
- 8.1.5 Trong trường hợp Bên vay không trả được nợ đến hạn, các bên không có thoả thuận gì khác và trong trường hợp Bên cho vay ngừng cho vay và thu nợ trước hạn theo điểm 8.1.3 nêu trên, Bên cho vay được quyền bán hoặc uỷ quyền bán tài sản thế chấp, cầm cố để thu hồi nợ, yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh; khởi kiện Bên vay vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc người bảo lãnh theo quy định của pháp luật.
- 8.1.6 Được tự động chuyển sang nợ quá hạn nếu Bên vay không trả nợ đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hay gia hạn nợ.
- 8.1.7 Thực hiện miễn, giảm lãi vốn vay, gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo quy định của NHNT và NHNN.

8.2 Nghĩa vụ của Bên cho vay:

- 8.2.1 Cung cấp đầy đủ và kịp thời vốn vay theo thoả thuận khi Bên vay xuất trình đầy đủ chứng từ hợp lệ.
- 8.2.2 Lưu giữ hồ sơ vay vốn, bảo đảm bí mật thông tin của khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật.
- 8.2.3 Gửi thông báo chuyển nợ quá hạn cho Bên vay và/hoặc các cơ quan quản lý cấp trên của Bên vay.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Bên vay:

9.1 Quyền của Bên vay:

- 9.1.1 Được rút vốn theo thời hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng này.
- 9.1.2 Từ chối các yêu cầu của Bên cho vay không đúng với các thoả thuận trong Hợp đồng này và quy định của NHNT.
- 9.1.3 Có thể trả nợ trước hạn.

9.2 Nghĩa vụ của Bên vay:

- 9.2.1 Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng này.
- 9.2.2 Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp. Tạo điều kiện cho Bên cho vay kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sử dụng vốn và tài sản bảo đảm.
- 9.2.3 Trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng hạn cho Bên cho vay.
- 9.2.4 Không được dùng tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào khác tại bất kỳ tổ chức và cá nhân nào khác.
- 9.2.5 Cung cấp cho Bên cho vay các báo cáo (nếu có) theo thời hạn quy định của pháp luật, cụ thể:
- Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh.
 - Báo cáo về tình trạng tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.
- 9.2.6 Thông báo kịp thời với Bên cho vay những thay đổi sau:
- Doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động.
 - Đổi tên, đổi địa chỉ, chia tách, sáp nhập, cổ phần hoá hoặc chuyển quyền sở hữu.
 - Mở tài khoản tiền gửi ở ngân hàng khác, đóng tài khoản ở NHNT.
 - Thay đổi người điều hành: Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng (Trưởng phòng kế toán), thành viên Hội đồng quản trị.
 - Tranh chấp phát sinh ảnh hưởng tới khả năng trả nợ.
 - Thay đổi về tình trạng tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.
 - Thay đổi về vốn, tài sản ảnh hưởng xấu đến khả năng tài chính của doanh nghiệp.
- 9.2.7 Trước khi chuyển quyền sở hữu, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, cổ phần hoá Bên vay (Bên bảo lãnh) phải trả hết nợ và lãi tiền vay cho Bên cho vay, nếu Bên vay (Bên bảo lãnh) chưa trả hết nợ thì đơn vị mới (đơn vị hình thành sau chuyển quyền sở hữu, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, cổ phần hoá) phải cam kết bằng văn bản nhận toàn bộ nợ gốc và lãi. Trường hợp đơn vị mới không thực hiện cam kết trên Bên cho vay được quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

9.2.8 Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thoả thuận về việc vay trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ đảm bảo nợ vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Điều 10: Cam kết và xử lý các vi phạm.

10.1 Các Bên cam kết thực hiện đúng nội dung Hợp đồng này và các quy định của pháp luật liên quan khác hiện hành.

10.2 Nếu có tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này thì trước hết các bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng và hoà giải. Trong trường hợp thương lượng, hoà giải không thành, thì các Bên có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 11: Điều khoản thi hành.

11.1 Hợp đồng này và các tài liệu kèm theo Hợp đồng này (như hợp đồng bảo đảm, giấy nhận nợ, giấy gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và các tài liệu giải thích bổ sung hợp đồng ... (nếu có)) là bộ phận không thể tách rời của hợp đồng, các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

11.2 Hiệu lực của hợp đồng (*đánh dấu vào ô thích hợp*):

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay trả hết nợ gốc (gồm cả nợ gốc, lãi, các khoản tiền phạt và chi khác nếu có) (*áp dụng trường hợp không sử dụng biện pháp bảo đảm*).

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày có hiệu lực của hợp đồng bảo đảm cho đến khi Bên vay trả hết nợ gốc (gồm cả nợ gốc, lãi, các khoản tiền phạt và chi khác nếu có) (*áp dụng trường hợp có sử dụng biện pháp bảo đảm*).

11.3 Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, Bên vay giữ 01 bản, Bên cho vay giữ 02 bản.

BÊN CHO VAY

Giám Đốc
(Ký tên, đóng dấu)

BÊN VAY

Giám Đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Cán bộ Tín dụng

Trưởng Phòng Tín dụng Tổng hợp

**Trưởng phòng Kế toán
Hoặc Kế toán trưởng Bên vay**

Họ tên.....

Họ tên:.....

Họ tên:.....